

Bản án số: 110/2024/HC-ST

Ngày: 21 - 6 - 2024

“V/v khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế và yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế trái pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Kim Loan

Ông Thái Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Đ cầu thành phần trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm trực tuyến vụ án thụ lý số: 230/2023/TLST-HC ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế trái pháp luật*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

Ông Trần Văn K, sinh năm 1955. Nơi thường trú: Số G T, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1977. Nơi thường trú: Số 61C Liên khu 5-11-12, phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số D đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số D đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố P và UBND thành phố P: Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố P và UBND thành phố P: Ông Nguyễn Văn H1, chức vụ: Phó Phòng Tư pháp thành phố Phú Quốc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02 táng 2 năm 2024, người khởi kiện ông Trần Văn K trình bày:

Ngày 16/12/2019 ông Trần Văn K có nhận chuyển nhượng thửa đất diện tích khoảng 500m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang của ông Đào Văn Q bằng giấy tay, sau khi nhận chuyển nhượng ông K xây dựng nhà và đưa vào sử dụng từ năm 2020.

Ngày 08/11/2022 Công chức địa chính xã D tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số:105/BB-VPHC đối với ông K về hành vi chiếm đất nông nghiệp (loại đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn diện tích 501,9m² đất do UBND xã D quản lý theo Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh K.

Ngày 20/6/2023, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3298/QĐ-KPHQ buộc ông K phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại diện tích 501,9m² đất và buộc ông K nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính với số tiền 5.356.852 đồng.

Ngày 18/9/2023 Chủ tịch UBND thành phố P tiến hành cưỡng chế trong khi ông K chưa nhận được Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả từ Chủ tịch UBND thành phố P.

Ông Trần Văn K cho rằng, việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3289/QĐ-KPHQ ngày 20/6/2023 và thực hiện hành vi cưỡng chế trong khi ông K chưa nhận được Quyết định số 3564/QĐ-CCXP ngày 14/7/2023 là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông K.

Ông Trần Văn K yêu cầu giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 3289/QĐ-KPHQ ngày 20/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Hủy Quyết định số 3564/QĐ-CCXP ngày 14/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

+ Tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND thành phố P cưỡng chế đối với nhà, đất của ông Trần Văn K vào ngày 18 tháng 9 năm 2023 là trái pháp luật.

Tại Văn bản số 252/UBND-NCPC ngày 21 tháng 2 năm 2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày:

Nguồn gốc diện tích 501,9m² tại ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Trần Văn K chiếm thuộc nhóm đất nông nghiệp loại đất trồng cây lâu năm (theo công văn số 557/UBND-NCPC ngày 30/6/2022, về việc xác định loại đất để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

Ngày 23/9/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng UBND xã D lập Biên bản

làm việc đối ông **Trần Văn K** trình bày nguồn gốc đất là do mua của ông **Đào Văn Q** ngày 26/10/2019 có ký văn bản thỏa thuận. (Tại thời điểm mua đất này cho đến nay là đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và việc mua bán đất này không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận).

Ngày 07/11/2022, Công chức Địa chính - Xây dựng **UBND xã D** đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành đo đạc, kiểm tra thực tế thửa đất diện tích 501,9m² do ông **Trần Văn K** chiếm là đất nông nghiệp, loại đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn.

Toàn bộ diện tích ông **Trần Văn K** chiếm nằm trong Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của **UBND tỉnh K** về việc thu hồi đất và giao UBND huyện (nay là thành phố) **P** để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư **B** và **Nam Bãi T1** tại **xã D, thị trấn A, huyện P tỉnh Kiên Giang**.

Từ đó, Công chức Địa chính - Xây dựng **UBND xã D** lập Biên bản vi phạm hành chính số 105/BB-VPHC ngày 08/11/2022 và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 74/BB-XM ngày 29/5/2023 thể hiện ông **Trần Văn K** thực hiện hành vi vi phạm hành chính, chiếm đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) tại khu vực nông thôn với diện tích 501,9m² đất do **UBND thành phố P** quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng theo quy định của pháp luật.

Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập đúng mẫu quy định; căn cứ lập Biên bản, người có thẩm quyền lập Biên bản thể hiện tính đầy đủ và rõ ràng; nội dung xác lập hành vi vi phạm hành chính đầy đủ, chính xác đúng quy định của pháp luật.

Ông **Trần Văn K** tự ý sử dụng diện tích 501,9m² đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của **UBND thành phố P** mà không được cho phép là hành vi chiếm đất, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành Quyết định số 3298/QĐ-KPHQ ngày 20/6/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Trần Văn K** là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Qua theo dõi thi hành quyết định nhận thấy ông **Trần Văn K** chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nên Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành Quyết định số 3564/QĐ-CCXP ngày 14/7/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đúng theo quy định pháp luật.

2. Trong đơn khởi kiện ông **Trần Văn K** trình bày là chưa nhận được quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả từ Chủ tịch **UBND thành phố P** là chưa đúng, cụ thể:

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P đã gửi Quyết định số 3564/QĐ-CCXP ngày 14/7/2023 Chủ tịch **UBND thành phố P** bằng đường bưu điện cho ông **Trần Văn K** 04 lần (trong đó ông **K** từ chối không nhận 03 lần, ông **Trần Văn K** ký nhận 01 lần ngày 01/9/2023 tại phiếu báo phát số hiệu EY922094260VN (bút lục 13)), đồng thời đã niêm yết quyết định tại Trụ sở Văn phòng khu phố 5 và Trụ sở

UBND phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản niêm yết công khai ngày 30/8/2023. Theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định “...*Quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao*”.

3. Đối với yêu cầu Tuyên bố hành vi của Chủ tịch UBND thành phố P cưỡng chế diện tích 501,9m² và tài sản của ông Trần Văn K vào ngày 18/9/2023 là trái pháp luật, là không có cơ sở, vì:

Hành vi của ông K là chiếm đất và xây dựng nhà trái pháp luật trên đất do Nhà nước quản lý, không tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính mà trong quyết định khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế đã nêu; về căn nhà không phải là tài sản hợp pháp phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Luật Đất đai, mà đó là hậu quả do quá trình thực hiện hành vi vi phạm cần phải khắc phục ngay. Việc tổ chức cưỡng chế khắc phục hậu quả là biện pháp cuối cùng phải thực hiện mặc dù không muốn nhưng vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước đang bị xâm hại, vì ổn định trật tự quản lý đất đai trên địa bàn thành phố P.

Mặt khác, ngay sau khi ra quyết định cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, Chủ tịch UBND thành phố P phân công cơ quan thực hiện cưỡng chế triển khai quyết định và yêu cầu ông Trần Văn K nhanh chóng chấp hành đúng quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) nhưng ông K vẫn không chấp hành; Vì vậy, cơ quan chức năng đã cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng trên đất để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm cho UBND thành phố P quản lý theo đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Bùi Ngọc H người được ông Trần Văn K ủy quyền cho rằng: Nguồn gốc đất ông K nhận chuyển nhượng năm 2019 sau đó tiến hành xây dựng nhà ở được 02 năm thì bị lập biên bản, ông K mới nhận được quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, còn quyết định cưỡng chế ông K chưa nhận được nên chưa tự nguyện thi hành, việc cưỡng chế ông K hoàn toàn không hay biết, đề nghị chấp nhận đơn kiện của ông K.

- Ông Nguyễn Văn H1 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng: Diện tích đất ông K chiếm là đất nông nghiệp, UBND tỉnh K đã có Quyết định số 904/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và giao UBND huyện P để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch - Dân cư B và Nam Bãi T1 tại xã D, thị trấn A, huyện P tỉnh Kiên Giang. Năm 2022 ông K vào sử dụng đất là hành vi chiếm đất, nên việc lập biên bản và quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế là đúng pháp luật về nội dung, về hình thức, về thời hiệu, thời hạn, về thẩm quyền và về trình, tự thủ tục không có vi phạm, hiện nay việc cưỡng chế cũng đã thực hiện xong, đề nghị giải quyết bác đơn kiện của ông Trần Văn K.

- Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,

Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa sơ thẩm.

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ điều kiện để giải quyết vụ kiện.

Đối với người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn K** về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3289/QĐ-KPHQ ngày 20/6/2023, Quyết định số 3564/QĐ-CCXP ngày 14/7/2023 và bác yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch **UBND thành phố P** đối với ông **Trần Văn K** là trái pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa:

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, người được ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng các đương sự.

[1.2] Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án:

Ông **Trần Văn K** yêu cầu giải quyết hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, quyết định cưỡng chế và hành vi cưỡng chế đối với ông **Trần Văn K** là khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Kể từ ngày ông **Trần Văn K** nhận được quyết định đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chưa hết một năm, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Tính hợp pháp của các quyết định bị kiện:

[2.1] Thẩm quyền ban hành các quyết định và pháp luật áp dụng:

Chủ tịch **UBND thành phố P** ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với ông **Trần Văn K** là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 38, Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Các văn bản pháp luật áp dụng giải quyết trong việc ban hành các quyết định đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định là có căn cứ.

[2.2] Xét nguồn gốc đất, hành vi hành chính theo đơn khởi kiện của ông **Trần Văn K**:

Diện tích đất 501,9m² ông **Trần Văn K** bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả được xác định nằm trong diện tích đất theo Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 24/5/2007 của **UBND tỉnh K** về việc thu hồi đất và giao UBND huyện (nay là thành phố) **P** để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện quy hoạch xây dựng khu Du lịch – Dân cư **B** và **Nam Bãi T1** tại **xã D, thị trấn A thành phố P**.

Ngày 23/9/2022 **UBND xã D** phát hiện được ông **Trần Văn K** đang chiếm 477,3m² đất đã xây dựng nhà ở, việc này có lập biên bản làm việc ông **K** thừa nhận, đến ngày 07/11/2022 Công chức Địa chính - xây dựng thuộc **UBND xã D** lập biên bản đo đạc thực tế sử dụng với diện tích 501,9m² và đến ngày 08/11/2022 lập biên bản vi phạm hành chính. Ông **Trần Văn K** vào diện tích đất 501,9m² thuộc quyền quản lý của **UBND thành phố P** sử dụng không được sự đồng ý của tổ chức có quyền sử dụng đất là hành vi chiếm đất được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, ông **K** cho rằng không có hành vi chiếm đất là không có căn cứ, điều này còn được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 23/9/2022 do **UBND xã D**, ông **K** trình bày: “...Diện tích đất 471,2m² (lôA2) là do tôi mua của ông **Đào Văn Q**, ngày 26/10/2019 hai bên có ký văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đấtđã trả tiền mặt 750.000.000 đồng Đến tháng 11/2019 xây dựng nhà để ở..., xây dựng hệ thống tường gạch cao 01 m, trồng dừa tạo cảnh quan ...Nay chính quyền **xã D** giải thích khu đất này là đất nhà nước quản lý thì tôi mới nhận thức và hiểu, tôi đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý việc mua bán đất này theo đúng quy định của pháp luật”. Trong khi đó, ông **K** không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, điều này **UBND thành phố P** đã chứng minh về nguồn gốc đất và chủ thể quản lý đất.

[2.3] Xét tính hợp pháp của quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 3298/QĐ-KPHQ ngày 20/6/2023):

Khi phát hiện hành vi chiếm đất của ông **Trần Văn K**, Công chức Địa chính – xây dựng **xã D** đã tiến lập Biên bản làm việc ngày 23/9/2022 đối với ông **Trần Văn K**, ông **K** thừa nhận hành vi của mình, lẽ ra ngay thời điểm này phải được đo đạc xác định vị trí, diện tích đất và lập biên bản vi phạm hành chính và có biện pháp ngăn chặn, nhưng đã không thực hiện. Đến ngày 07 và 08/11/2022 mới đo đạc xác định vị trí đất, lập biên bản vi phạm hành chính. Cho thấy trách nhiệm quản lý đất đai của địa phương, của cán bộ được phân công chưa kịp thời để cho ông **K** chiếm đất xây dựng nhà ở một thời gian dài và dẫn đến việc không ra quyết định xử phạt xử phạt vi phạm hành chính. Chủ tịch **UBND thành phố P** không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng hậu quả của hành vi vi phạm cần phải được khắc phục để đảm bảo cho việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, nên việc ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Trần Văn K** là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.4] Biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có buộc khôi phục lại tình trạng

ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả đất và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp 5.356.852 đồng từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm tại khu vực nông thôn) qua đất xây dựng nhà ở là phù hợp với khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2.5] Xét tính hợp pháp của Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (Quyết định số 3564/QĐ-CCXP ngày 14/7/2023):

Xét thấy, như nhận định tại mục [2.2], [2.3], [2.4] Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông Trần Văn K không tự nguyện chấp hành, nên ban hành quyết định cưỡng chế là đúng quy định tại Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định đã được gửi đến ông Trần Văn K qua đường bưu điện và được niêm yết công khai là phù hợp theo quy định tại Điều 70 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), ông K không tự nguyện khắc phục hậu quả, trong khi căn nhà ông K xây dựng trên đất do UBND thành phố P quản lý là trái quy định của pháp luật, hành vi vi phạm cần phải khắc phục ngay để đảm bảo trật tự quản lý đất đai trên địa bàn thành phố P. Việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng trên đất để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các Điều 34, Điều 35 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tại thời điểm cưỡng chế tài sản đã được di dời ra khỏi khu vực cưỡng chế, việc này được lập biên bản kiểm kê tài sản. Do đó ông K yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND thành phố P pháp luật là không có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3289/QĐ-KPHQ ngày 20/6/2023, Quyết định số 3564/QĐ-CCXP ngày 14/7/2023 và bác yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế của Chủ tịch UBND thành phố P là trái pháp luật.

[4]. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn K trên 60 tuổi là người cao tuổi được quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chủ tịch UBND thành phố P không phải chịu án phí.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính.
- Căn cứ các Điều 38, 58, 65, 85, 87, 88 của Luật Xử lý vi phạm hành chính

(sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Căn cứ Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K:

- Không chấp nhận hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3289/QĐ-KPHQ ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;

- Không chấp nhận hủy Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3564/QĐ-CCXP ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;

- Không chấp nhận yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đối với ông Trần Văn K về việc thực hiện Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 3564/QĐ-CCXP ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là trái pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn K không phải nộp án phí sơ thẩm, do được miễn.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải nộp án phí sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Tám